

## QUYẾT ĐỊNH:

## BỘ TÀI CHÍNH

**Điều 1.** Điều chỉnh một số quy định về cước liên lạc sử dụng dịch vụ điện thoại thẻ Việt Nam như sau:

1. Phương thức tính cước liên lạc trong phạm vi nội hạt là 1 + 1. Đơn vị tính cước là phút, phần lẻ cuối cùng của cuộc gọi chưa đến 01 phút được tính là 01phút. Cuộc gọi chưa đến 01 phút được thu cước 01 phút. Mức cước 400 đ/phút (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).

2. Cước liên lạc khác: áp dụng như cước liên lạc từ thuê bao điện thoại cố định có cùng vị trí địa lý của Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2005. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH,

VIỄN THÔNG

*Thứ trưởng*

**Đặng Đình Lâm**

**QUYẾT ĐỊNH số 10/2005/QĐ-BTC**  
ngày **02/02/2005** của Bộ trưởng Bộ Tài chính công bố danh sách thành viên bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương năm 2005.

## BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 141/2003/NĐ-CP ngày 20/11/2003 của Chính phủ về việc phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương;*

*Trên cơ sở các điều kiện, tiêu chuẩn đã quy định tại Thông tư số 29/2004/TT-BTC ngày 06/4/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương và đơn đăng ký thành viên của các tổ chức tài chính, tín dụng;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này “Danh sách thành viên bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương năm 2005”.

**Điều 2.** Các thành viên có tên trong danh sách công bố tại Điều 1 Quyết định này được tham gia bảo lãnh phát hành và đại lý phát hành các loại trái phiếu do Kho bạc Nhà nước, Quỹ Hỗ trợ phát triển, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các tổ chức tài chính, tín dụng và doanh nghiệp phát hành theo quy định tại Nghị định số 141/2003/NĐ-CP ngày 20/11/2003 của Chính phủ.

Trách nhiệm, quyền lợi của tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành được thực hiện theo hợp đồng thỏa thuận giữa tổ chức phát hành với tổ chức nhận bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành trái phiếu và chế độ quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng

Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Tổng Giám đốc Quỹ Hỗ trợ phát triển, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tài chính, tín dụng, doanh nghiệp phát hành trái phiếu, Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức thành viên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Thủ trưởng*

**Lê Thị Băng Tâm**

**DANH SÁCH thành viên tham gia bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu Chính quyền địa phương**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2005/QĐ-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).*

#### **I. Các ngân hàng thương mại**

1. Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam
2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam
3. Ngân hàng Công thương Việt Nam

4. Ngân hàng Đầu tư phát triển Việt Nam

5. Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà thành phố Hồ Chí Minh

6. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín

7. Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Nam.

## II. Các công ty chứng khoán

1. Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

2. Công ty TNHH chứng khoán ngân hàng thương mại cổ phần Á châu

3. Công ty TNHH chứng khoán Thăng Long

4. Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương

5. Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

6. Công ty cổ phần chứng khoán Bảo Việt

7. Công ty cổ phần chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

8. Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất

9. Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Công thương.

## BỘ THƯƠNG MẠI

**QUYẾT ĐỊNH số 161/2005/QĐ-BTM ngày 01/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước trong ngành Thương mại.**

### BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

*Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thương mại;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Thương mại,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế bảo vệ bí mật Nhà nước trong ngành Thương mại”.